| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ M H**<br>TỈNH H Y | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 08/2022/KDTM<br>Ngày 19/4/2022<br>*V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M H – TỈNH H Y**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Hoàng Tuấn Trọng;
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Xuân Hùng và ông Nguyễn Xuân Khải.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Luật – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã M H;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H.

Ngày 19/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M H mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp"* thụ lý số 13/2021/TLST - KDTM ngày 12/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST - KDTM ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Ngân hàng NN và PTNT VN; Địa chỉ: Số 2 LH, phường Th C, quận B Đ, thành phố H N; Do ông Đ V K, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch D S thuộc Ngân hàng NN và PTNT VN, chi nhánh thị xã M HH Y II đại diện theo Giấy uỷ quyền số 16/NHNo-MH ngày 15/10/2021 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT VN thị xã M HH Y II; Có mặt.

**Bị đơn:** Chị L Th Th, sinh năm 1975 và anh V D C (chồng của chị Th), sinh năm 1973; Đều có địa chỉ: TDP Th, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y; chị Th có mặt, anh C vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông D D Ch, sinh năm 1955 và bà Tr Th G (là vợ ông Ch), sinh năm 1960; Đều có địa chỉ: Thôn C Q, xã C X, thị xã M H, tỉnh H Y; Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng NN và PTNT VN trình bày:*

Ngày 25/8/2011, Ngân hàng NN và PTNT VN (sau đây gọi tắt là ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 2407-LAV-201101312 cùng các Giấy nhận nợ kèm theo với chị L Th Th (là vợ của anh V D C) với các nội dung chính sau đây: Ngân hàng cho chị L Th Th vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo hạn mức tín dụng; tiền vay được sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh cọc bê tông các loại, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 25/8/2011 đến 25/8/2012; thời hạn trả nợ của mỗi lần cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ và tiền lãi trả theo nợ gốc; lãi suất cho vay trong hạn tại các giấy nhận nợ là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho chị Th tổng cộng 1.000.000.000 đồng được thể hiện bằng 04 Giấy nhận nợ vào các ngày 01, 05, 08 và 14/3/2013; khoản nợ gốc đầu tiên đến hạn thanh toán vào ngày 01/9/2013.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 23, diện tích 336m$^2$, có địa chỉ tại thôn C Q, xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Tr Th G và ông D D Ch; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 197m$^2$, có địa chỉ tại thôn Th (nay là TDP Th), xã D S (nay là phường D S), huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị L Th Th và anh V D C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị L Th Th cùng chồng là anh V D C đã không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết, nên toàn bộ dư nợ của vợ chồng chị Th đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn, cũng như có nhiều buổi làm việc, đôn đốc bị đơn trả nợ nhưng không có kết quả. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị L Th Th cùng chồng là anh V D C có trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng tín dụng cùng các Giấy nhận nợ đã ký kết như sau:

1. Buộc chị L Th Th và anh V D C trả nợ cho Ngân hàng NN và PTNT VN tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/10/2021 là 2.279.149.833 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, lãi trong hạn là 906.808.667 đồng và lãi quá hạn là 422.341.167 đồng;

2. Kể từ ngày 14/10/2021, chị L Th Th và anh V D C phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng NN và PTNT VN trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợcho đến khi thanh toán xong nợ gốc;

3. Trường hợp chị L Th Th và anh V D C không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng NN và PTNT VN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 23, diện tích 336m$^2$, có địa chỉ tại thôn C Q, xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Tr Th G và ông D D Ch; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 197m$^2$, có địa chỉ tại thôn Th (nay là TDP Th), xã D S (nay là phường D S), huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị L Th Th và anh V D Cđể thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ thanh toán khoản nợ, chị L Th Th và anh V D C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

5. Ngân hàng có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác của chị L Th Th và anh V D C để thu hồi nợ cho ngân hàng.

*Bị đơn là chị L Th Th* trình bày thống nhất với nguyên đơn về thời gian giao kết, nội dung, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2407-LAV-201101312 và các Giấy nhận nợ được ký với ngân hàng. Bị đơn thừa nhận đã được nguyên đơn giải ngân đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng. Đến hạn thanh toán, chị đã thanh toán được một phần nợ gốc, nhưng chưa thanh toán được tiền lãi cho ngân hàng. Chị xác định khoản vay của ngân hàng là nợ chung của vợ chồng. Chị đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, nhưng đề nghị nguyên đơn xem xét cho chị được trả dần nợ gốc và miễn toàn bộ tiền lãi cho chị. Trường hợp vợ chồng không trả được nợ, chị nhất trí xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tr Th G* thừa nhận vợ chồng bà ký hợp đồng thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng với ngân hàng vào ngày 07/9/2011 với các nội dung đúng như hợp đồng thế chấp được nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng chị Th tại ngân hàng. Tuy nhiên, bà không đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng bà để thu hồi nợ cho ngân hàng.

*Tại phiên toà:*

+ Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là chị Th và anh C trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/4/2022 là 1.338.322.910 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, lãi trong hạn là 388.322.910 đồng; Kể từ ngày 20/4/2022, chị Th và anh C phải tiếp tục trả tiền lãi cho ngân hàng trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợcho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Trường hợp chị Th và anh C không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 23, diện tích 336m$^2$, có địa chỉ tại thôn C Q, xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y

thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Tr Th G và ông D D Ch; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 197m$^2$, có địa chỉ tại thôn Th (nay là TDP Th), xã D S (nay là phường D S), huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị L Th Th và anh V D Cđể thu hồi nợ cho ngân hàng; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ thanh toán khoản nợ, chị Th và anh C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho ngân hàng; Ngân hàng có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác của chị L Th Th và anh V D C để thu hồi nợ cho ngân hàng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H có quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và tư cách đương sự đúng theo quy định của pháp luật; việc xây dựng hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ và hoà giải cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Mặc dù, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho bị đơn là anh C nhưng không yêu cầu anh C viết bản tự khai hoặc lấy lời khai để làm rõ quan điểm của bị đơn về việc vay nợ. Hoạt động tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng trình tự, thủ tục; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Hợp đồng tín dụng số 2407-LAV-201101312 ngày 25/8/2011giữa Ngân hàng NN và PTNT VN và chị L Th Th có thời hạn 12 tháng, số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ của mỗi lần cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, tiền lãi trả theo nợ gốc, lãi suất cho vay trong hạn tại các giấy nhận nợ là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cam kết được thể hiện bằng các giấy nhận nợ ngày 01, 05, 08 và 14/3/2013, đồng thời theo nội dung của các giấy nhận nợ này thì khoản nợ gốc đầu tiên đến hạn thanh toán vào ngày 01/9/2013 và thời hạn cuối cùng thanh toán nợ gốc là ngày 14/9/20213. Như vậy, nguyên đơn thực hiện đúng cam kết, đã giải ngân cho chị Th vay tổng cộng 1.000.000.000 đồng. Các Giấy nhận nợ đều thể hiện lãi suất vay trong hạn được các bên thoả thuận là 12%/năm. Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm các đương sự xác lập quan hệ tín dụng là Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ

bản bằng đồng Việt Nam thì thấy, lãi suất cho vay 12%/năm được nguyên đơn áp dụng là phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nên mức lãi suất này được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về lãi suất quá hạn được các bên thoả thuận bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn là phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại các Giấy nhận nợ thể hiện người vay phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01/9/2013 và ngày cuối cùng trả nợ gốc là ngày 14/9/2013, đồng thời theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng thì bên vay phải trả lãi theo trả nợ gốc. Tuy nhiên, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mới chỉ thanh toán được một phần nợ gốc là 50.000.000 đồng. Ngày 15/10/2021, Ngân hàng NN và PTNT VN khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị Th và anh V D C phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên gồm nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/10/2021 là 2.279.149.833 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, lãi trong hạn là 906.808.667 đồng và lãi quá hạn là 422.341.167 đồng thì thấy, mặc dù hợp đồng không có chữ ký của anh C, nhưng anh C và chị Th là vợ chồng, anh C cùng chị Th ký Giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay chị Th ký với Ngân hàng, nên có đủ căn cứ xác định anh C biết và đồng ý để chị Th ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đồng thời tại các lời khai của mình, chị Th cũng thừa nhận khoản vay là nợ chung của hai vợ chồng. Do vợ chồng chị Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ, được chấp nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021, chị Th thừa nhận số tiền còn nợ như nguyên đơn đưa ra. Tại phiên toà nguyên đơn trình bày do có sự thay đổi về cơ chế điều hành lãi suất, nên nguyên đơn quyết định giảm lãi suất cho bị đơn từ 12%/năm xuống còn 4,86%/năm và miễn toàn bộ tiền lãi quá hạn cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến ngày 19/4/2022 là 388.322.910 đồng cùng với nợ gốc 950.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật về quyền định đoạt của nguyên đơn; bị đơn cũng không có ý kiến phản đối về việc điều chỉnh tiền lãi này. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn tiếp tục phải tiền lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thoả thuận cho đến khi trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

[3] Ngày 07/9/2011, ông D D Ch và bà Tr Th G ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 23, diện tích 336m$^2$, có địa chỉ tại thôn C Q, xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y, đã được UBND huyện M H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 466658 vào ngày 14/8/2006 và nhà ở thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ch và bà G để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Đến ngày 15/3/2012, vợ chồng chị Th, anh C ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử

dụng đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 197m$^2$, có địa chỉ tại xã D S (nay là phường D S), huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y, đã được UBND huyện M H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 848041 vào ngày 18/11/2011 và nhà ở thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hai vợ chồng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình đối với nguyên đơn. Các Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên đều được thể hiện dưới hình thức văn bản, có công chứng, các bên giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện M H cấp giấy chứng nhận, các tài sản trên đất thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp cùa bên thế chấp. Căn cứ các quy định tại Điều 342, 323, 689 và 715 BLDS năm 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 83/2010/NĐ - CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, thì các hợp đồng thế chấp nói trên có hiệu lực pháp luật.

[4] Chị Th và anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký, nên nguyên đơn yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 299, 303, khoản 3 Điều 318 BLDS năm 2015 và các biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 320, 323, 342, 343, 355, 689, 715, 721 BLDS năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;Luật ngân hàng nhà nước năm 2010;Quyết định số 2868/2010/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam**;** Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 83/2010/NĐ - CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Buộc chị L Th Th và anh V D C trả nợ cho Ngân hàng NN và PTNT VN tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/4/2022 là 1.338.322.910 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, lãi trong hạn là 388.322.910 đồng.

3. Kể từ ngày 20/4/2022 chị L Th Th và anh V D C phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng NN và PTNT VN trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số2407-LAV-201101312 cùng các Giấy nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho ngân hàng.

4. Trường hợp chị L Th Th và anh V D C không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng NN và PTNT VN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

4.1. Quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 23, diện tích 336m$^2$, có địa chỉ tại thôn C Q, xã C X, huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Tr Th G và ông D D Chđể thu hồi nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng trong đó số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng;

4.2. Quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 197m$^2$, có địa chỉ tại thôn Th (nay là TDP Th), xã D S (nay là phường D S), huyện M H (nay là thị xã M H), tỉnh H Y thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của chị L Th Th và anh V D Cđể thu hồi nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng trong đó số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng.

5. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ thanh toán khoản nợ, chị L Th Th và anh V D C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

6. Ngân hàng NN và PTNT VN có quyền tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác của chị L Th Th và anh V D C để thu hồi nợ cho ngân hàng.

7. Án phí:

7.1. Chị L Th Th và anh V D C phải chịu 52.149.687 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

7.2. Trả lại Ngân hàng NN và PTNT VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.800.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013029 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M H.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

9. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- VKSND thị xã M H;
- Phòng KTGĐ, TAND tỉnh H Y;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M H;
- Các đương sự;
Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hoàng Tuấn Trọng**